

VIỆT NAM GIA NHẬP ASEAN: GIẢI PHÁP ĐỐI NGOẠI MỚI TỪ CHÍNH SÁCH KHU VỰC

NGUYỄN VŨ TÙNG*

QUÁ TRÌNH QUYẾT SÁCH GIA NHẬP ASEAN

Đại hội Đảng lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối đối ngoại “Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển”.

● Trên nền chính sách chung đó, Hội nghị Trung ương lần thứ 2 và 3 (khóa VII) của Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu rõ hơn hai hướng trong chính sách đối ngoại mới. Bài nói của Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị Trung ương 3 (6/1992) nhấn mạnh: “Chúng ta coi trọng việc tạo ra những chuyển biến cơ bản trong quan hệ với các nước lớn và thúc đẩy nhanh quan hệ với các nước ở khu vực”⁽¹⁾. Liên quan đến quan hệ với ASEAN, Nghị quyết hội nghị Trung ương nêu rõ: “Trước mắt ta tham gia hiệp ước Bali, tham gia các diễn đàn đối thoại với ASEAN, tích cực nghiên cứu mở rộng quan hệ với ASEAN trong tương lai”⁽²⁾.

Tiếp đó, tháng 2/1993, Việt Nam ra tuyên bố “Việt Nam sẵn sàng tham gia ASEAN vào thời điểm thích hợp.” Vào tháng 10/1993, trong chuyến thăm các nước Malaixia, Xingapo và Thái Lan, Tổng Bí thư Đỗ Mười đưa ra chính sách 4 điểm mới của Việt Nam trong quan hệ với các

nước ASEAN và nhấn mạnh: “Việt Nam chủ trương tăng cường hợp tác nhiều mặt với từng nước láng giềng cũng như với hiệp hội các nước Đông Nam Á với tư cách là một tổ chức khu vực, sẵn sàng tham gia ASEAN vào một thời điểm thích hợp”⁽³⁾.

Tháng 4/1994, trong chuyến đi thăm chính thức Indônêxia, chủ tịch Lê Đức Anh tuyên bố “Việt Nam đang xúc tiến các công việc chuẩn bị thiết thực để sớm trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN.” Báo cáo về công tác đối ngoại 6 tháng đầu năm và phương hướng công tác 6 tháng cuối năm 1994 của Chính phủ trình Quốc hội khoá IX kỳ họp thứ 5 (6/1996) nêu: “Ta đang chuẩn bị tham gia tổ chức ASEAN với tư cách thành viên đầy đủ”⁽⁴⁾.

Từ sau thời điểm này, việc Việt Nam gia nhập ASEAN diễn ra khẩn trương hơn. Tại hội nghị AMM-27 tháng 7/1994 các nước ASEAN nhất trí tuyên bố đón nhận Việt Nam là thành viên. Ngày 22/7/1994, cuộc họp của Bộ Chính trị kết luận: Việt Nam gia nhập ASEAN trong năm 1995⁽⁵⁾. Ngày 17/10/1994, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Mạnh Cẩm gửi thư tới ngoại trưởng Brunây, chủ tịch ASC chính thức đặt vấn đề Việt Nam trở thành thành viên đầy đủ của ASEAN. Và SOM ASEAN họp tại Brunây tháng 11/1994 đã

* Nguyễn Vũ Tùng, Học viện Quan hệ Quốc tế, Bộ Ngoại giao

nhất trí để Việt Nam tham gia ASEAN tại hội nghị AMM-28 tháng 7/1995. Đánh giá chính thức của Việt Nam cho rằng trong năm 1994 quan hệ Việt Nam-ASEAN đã bước sang một giai đoạn hoàn toàn mới về chất.

Tóm lại, trong khoảng từ cuối năm 1991 cho tới khoảng trước tháng 4/1994, Việt Nam đã tạo được sự nhất trí trong nội bộ để đi đến quyết định gia nhập ASEAN trong năm 1995.

GIA NHẬP ASEAN TRONG ĐỔI MỚI TƯ DUY ĐỐI NGOẠI CỦA VIỆT NAM

Kể từ Đại hội VI (12/1986), Việt Nam đã có cách tiếp cận mới về an ninh, quyền lợi dân tộc, và chính sách đối ngoại. Quá trình này được thể hiện mạnh mẽ hơn kể từ sau Nghị quyết 13 Bộ Chính trị (5/1988) dành riêng về các vấn đề đối ngoại. Sự đổi mới tư duy thể hiện qua một số mặt sau. Thứ nhất, đã xuất hiện một “bước chuyển căn bản trong tư duy và thực hành” liên quan đến an ninh quốc gia và cách thức đảm bảo an ninh quốc gia⁽⁶⁾. Nghị quyết 13 Bộ Chính trị (khoá VI) tháng 5/1988 đã đưa ra cách nhìn nhận mới về an ninh, theo đó “kinh tế yếu kém, bao vây về chính trị, và cô lập về kinh tế là những đe dọa chính đối với an ninh và độc lập của đất nước ta”⁽⁷⁾. Có thể nói, Nghị quyết 13 của Bộ Chính trị đã đặt cơ sở cho cách tiếp cận mới về an ninh - trùng với khái niệm an ninh toàn diện đang được sử dụng rộng rãi trong khu vực và trên thế giới.

Trước kia, an ninh thường được hiểu theo góc độ quân sự với việc luôn phải xác định những mối đe dọa về an ninh từ một hoặc nhiều nước thù địch bên ngoài. Từ Nghị quyết 13, cách nhìn nhận về an ninh đã có thêm yếu tố bên trong, và từ đó những phương cách đảm bảo an ninh cũng đã có sự nhìn nhận mới. Nghị quyết nêu: “An ninh của bất cứ nước nào đều phải

được xây dựng trên những điều kiện kinh tế và khoa học kỹ thuật của nước đó và đồng thời tùy thuộc lẫn nhau vào an ninh của các nước khác”. Từ quan niệm này, nghị quyết đã giới thiệu những điều kiện - xếp theo thứ tự tầm quan trọng - cần phải đạt được để đảm bảo an ninh quốc gia. Đó là “một nền kinh tế mạnh, một nền quốc phòng vừa đủ mạnh, và một mối quan hệ hợp tác quốc tế rộng mở”⁽⁸⁾.

Hội nghị Trung ương III (6/1992) khẳng định thêm vị trí của lợi ích dân tộc trong chính sách đối ngoại. Trong bài phát biểu khai mạc Hội nghị, đồng chí Đỗ Mười nêu rõ: Mục tiêu “hoà bình và phát triển” trở thành “chuẩn mực trong hoạt động quốc tế” của Việt Nam và “những chuẩn mực này phục vụ lợi ích cao nhất của dân tộc ta hiện nay là nhanh chóng ra khỏi khủng hoảng, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm cho dân giàu, nước mạnh, bảo vệ vững chắc độc lập và tự do của Tổ quốc, phục vụ lợi ích cao nhất của dân tộc ta”⁽⁹⁾. Hội nghị Trung ương Ba cũng nêu rõ bốn phương châm xử lý các mối quan hệ đối ngoại. Các phương châm đó là:

- Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân
- Giữ vững độc lập tự chủ, tự cường trong khi đẩy mạnh đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại
- Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ với mọi đối tượng
- Tham gia hợp tác khu vực đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước⁽¹⁰⁾.

Việc Việt Nam phát triển quan hệ tốt với các nước ASEAN rõ ràng xuất phát từ những đổi mới trong tư duy đối ngoại. Với quan điểm mới về an ninh, trong đó nhấn mạnh tính tùy thuộc của an ninh Việt Nam với an ninh của các nước khác trong khu vực, cũng như vào tầm quan trọng của

việc xây dựng những mối quan hệ hữu nghị để đảm bảo một môi trường bên ngoài hoà bình và ổn định tại không gian kề cận với Việt Nam, việc phát triển quan hệ với các nước ASEAN đã được khai thông mạnh mẽ. Hơn nữa, với quan điểm mới về lợi ích dân tộc, Việt Nam đã có cách nhìn nhận khác về ASEAN so với thời gian trước đó, coi các nước ASEAN đều có chung mục tiêu bảo vệ độc lập dân tộc, phát triển kinh tế xây dựng đất nước giàu mạnh, và cố gắng ở mức cao nhất tăng cường mức độ tự chủ trong quan hệ quốc tế ở khu vực và qua đó hạn chế tác động tiêu cực của tương tác giữa các nước lớn trong phạm vi khu vực. Cũng từ cách nhìn đó, những điểm đồng về hoàn cảnh lịch sử và văn hoá được đề cao hơn, càng làm cho sự hợp tác khu vực ở Đông Nam Á thêm vững chắc dựa trên ý niệm về bản sắc chung. Đó là chưa kể tới nhận thức mới của Đảng Cộng sản Việt Nam về xu thế của tình hình thế giới sau chiến tranh lạnh với sự nổi lên của chủ nghĩa khu vực với tư cách là giải pháp hợp tác để hạn chế những phát triển tiêu cực của toàn cầu hoá và quan hệ giữa các nước lớn. Hội nghị Trung ương Ba (1992) cũng nêu rõ: “Trong tình hình thế giới ngày nay, xu thế hợp tác khu vực đang nổi lên rõ nét”. Tất nhiên, kết quả cụ thể về quan hệ thương mại và đầu tư, trao đổi chính trị và tăng cường hiểu biết lẫn nhau dựa trên trao đổi chính trị, văn hoá toàn diện giữa Việt Nam và các nước ASEAN khác càng tạo đà cho sự đầu tư vào xây dựng chính sách của Việt Nam hợp tác với các nước láng giềng trong khu vực Đông Nam Á.

Chính sách phát triển quan hệ tốt đẹp với các nước Đông Nam Á còn giúp Việt Nam phát triển quan hệ với các nước khác. Đó là tính chất “bắc cầu” của chính sách khu vực trong chính sách đối ngoại Việt Nam thời kỳ đổi mới. Trên thực tế, từng bước cải thiện trong quan hệ Việt Nam - ASEAN đều dẫn tới tiến bộ trong quan hệ

của Việt Nam với các nước khác, nhất là các nước lớn. Điều này càng đúng khi kinh tế đối ngoại chiếm một vị trí ngày càng lớn trong chính sách đối ngoại của Việt Nam: kinh nghiệm xây dựng các thiết chế thị trường, làm ăn và buôn bán theo các quy luật kinh tế thị trường của các nước ASEAN đã cho Việt Nam nhiều bài học kinh nghiệm cho quá trình đổi mới nền kinh tế và hội nhập vào kinh tế toàn cầu.

Như vậy, trong khi chính sách đối ngoại của Việt Nam vẫn nhấn mạnh đến sự cân bằng giữa việc phát triển quan hệ với các nước khu vực và các nước lớn cũng như mong muốn “làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới,” điều đã ngày càng trở nên rõ ràng hơn là khu vực Đông Nam Á đã trở thành một ưu tiên và đồng thời là xuất phát điểm chính sách. Thứ trưởng ngoại giao Trần Quang Cơ viết: “Việt Nam luôn có ý thức đầy đủ Việt Nam là một bộ phận của Đông Nam Á và luôn nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng to lớn của việc thiết lập mối quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước cùng khu vực”⁽¹¹⁾. Nói một cách khác, tư thế của một nước Đông Nam Á, và sau này là thành viên của tổ chức ASEAN đã tạo ra một điểm tựa mới cho chính sách đối ngoại của Việt Nam sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt. Như vậy, đổi mới cách nhìn nhận về ASEAN - kết quả của đổi mới tư duy đối ngoại nói chung - đã tạo tiền đề cho chính sách khu vực của Việt Nam. Và từ sau Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI, ASEAN đã ngày càng trở thành một bộ phận quan trọng trong chính sách đối ngoại của Việt Nam, và quan hệ tốt với các nước ASEAN và tổ chức ASEAN tạo tiền đề cho việc xây dựng và triển khai thành công chính sách theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại của Việt Nam.

GIA NHẬP ASEAN VÀ QUAN HỆ VỚI CÁC NƯỚC LỚN CỦA VIỆT NAM

Quan hệ tốt với các nước ASEAN và tham gia ASEAN đã gây ra tác động tốt đối với quan hệ của Việt Nam với các nước lớn. Tại hội nghị Trung ương lần thứ 3 (6/1992) Tổng Bí thư Đỗ Mười nói: “Chúng ta coi trọng việc tạo ra những chuyển biến cơ bản trong quan hệ với các nước lớn và thúc đẩy nhanh quan hệ với các nước ở khu vực”⁽¹²⁾. Để giải thích thêm ý này, Ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cẩm viết: chính sách khu vực sở dĩ cần đặc biệt coi trọng vì tính chất địa lý-chính trị của nó, đồng thời vì nó là sự bắc cầu vào thế giới⁽¹³⁾. Điều đó cho thấy ta đã nhìn ra tầm quan trọng của việc phát triển quan hệ với các nước ASEAN đối với việc phát triển quan hệ với các nước lớn. Nói cách khác, việc đẩy nhanh quan hệ với ASEAN là đòn bẩy để Việt Nam đẩy nhanh quan hệ với các nước lớn.

Cụ thể, có mối liên hệ giữa phát triển quan hệ với ASEAN và cải thiện quan hệ Việt - Mỹ. Báo cáo đối ngoại 6 tháng đầu năm 1994 nhận định rằng những thắng lợi trong đường lối đối ngoại của Việt Nam (chủ yếu liên quan tới quan hệ với các nước ASEAN) là một trong những lý do quan trọng của tuyên bố ngày 3/2/1994 chấm dứt cấm vận kinh tế của Mỹ đối với Việt Nam⁽¹⁴⁾. Từ sau ngày 3/2/1994, quan hệ song phương Việt - Mỹ càng phát triển theo hướng bình thường hoá. Mỹ ủng hộ Việt Nam vào ASEAN (phát biểu của ngoại trưởng Christopher ngày 23/2/199) và đoàn đại diện tổng thống Mỹ (từ 1-4/7/1994) đã lần đầu tiên bàn với Việt Nam một cách thẳng thắn và rộng rãi nhất về các vấn đề khu vực, cho rằng hai nước có tiềm tàng lớn cho hợp tác về an ninh và kinh tế và khẳng định rõ chiều hướng chiến lược của Mỹ là xây dựng mối quan hệ mới với Việt Nam phù hợp với lợi ích của Mỹ ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương thời kỳ sau chiến tranh lạnh. Ngày 11/7/1995, Mỹ đã bình thường hoá quan hệ với Việt Nam với nhận thức đầy đủ

rằng lễ kết nạp Việt Nam vào ASEAN sẽ diễn ra vào ngày 28/7/1995. Rõ ràng, sự phát triển quan hệ Việt-Mỹ, tuy có những đặc điểm riêng do tác động của cuộc chiến tranh Việt Nam nằm trong mạch tương tác của các mối quan hệ giữa Mỹ với các nước lớn khác, vai trò của mỗi quan hệ Việt Nam-ASEAN cũng không nhỏ.

Quan hệ với Trung Quốc cũng có những tiến triển mới với việc Việt Nam gia nhập ASEAN. Trung Quốc ủng hộ sự phát triển quan hệ Việt Nam - ASEAN. Ngoại trưởng Tiền Kỳ Thâm nói: “Việt Nam sẽ gia nhập ASEAN. Tôi tin rằng sau khi Việt Nam vào ASEAN hoà bình và ổn định ở khu vực sẽ được thúc đẩy. Trung Quốc hài lòng về sự phát triển quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN. Sau khi Việt Nam vào ASEAN, quan hệ đó sẽ phát triển hơn.” Tháng 11/1995 Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã đi thăm Việt Nam. Hai bên đã ra tuyên bố chung tăng cường hợp tác nhiều mặt và xử lý tranh chấp theo phương châm “lấy đại cục làm trọng, thông cảm và nhân nhượng lẫn nhau, công bằng, hợp lý, hiệp thương hữu nghị, và căn cứ vào luật pháp quốc tế, tham khảo thực tiễn quốc tế, thông qua đàm phán hoà bình giải quyết thoả đáng những vấn đề biên giới lãnh thổ tồn tại giữa hai nước không để ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của quan hệ giữa hai nước”⁽¹⁵⁾. Và đến tháng 2/1999 công thức quan hệ “láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai” đã được xác lập.

Quan hệ với giữa Việt Nam với Nhật Bản cũng được cải thiện rõ rệt cùng với những bước cải thiện quan hệ Việt Nam - ASEAN. Chuyến đi thăm của thủ tướng Nhật Bản tới các nước ASEAN tháng 1/1993 đã cho thấy Nhật hoan nghênh việc các nước Đông Dương và ASEAN bắt tay nhau như những láng giềng tốt và Nhật sẽ đề nghị tổ chức Diễn đàn phát triển tổng thể Đông Dương để trao đổi rộng rãi về hiện trạng kinh tế-xã hội, tình

hình cải cách kinh tế, nhu cầu phát triển trong các lĩnh vực nông nghiệp, năng lượng, giao thông vận tải, thông tin liên lạc, văn hoá-giáo dục và đánh giá vai trò của các nước đối và các tổ chức quốc tế đối với việc đáp ứng các nhu cầu này.

Từ năm 1994 trở đi, ngày càng rõ hơn là khi Việt Nam đổi mới, trở thành thành viên ASEAN và quan hệ Việt-Mỹ bình thường hoá thì không còn lý do gì Nhật Bản lại không phát triển quan hệ một cách toàn diện với Việt Nam. Tháng 4/1995, Tổng Bí thư Đỗ Mười sang thăm Nhật Bản và phía Nhật đã khẳng định rằng quy chế thành viên ASEAN của Việt Nam đã tạo điều kiện cho Nhật phát triển quan hệ toàn diện từ kinh tế đến chính trị, an ninh với Việt Nam. Các cuộc thăm viếng song phương Việt - Nhật đã cho thấy tất cả các giới ở Nhật, từ nhà vua đến chính phủ, các đảng, các tổ chức xã hội và giới kinh doanh đều biểu thị thái độ quý trọng nhiệt tình, bày tỏ mong muốn tăng cường quan hệ hữu nghị, đẩy nhanh quan hệ hợp tác nhiều mặt, ổn định và lâu dài với Việt Nam và đều tỏ rõ sốt sắng và sẵn sàng mở rộng hợp tác.

Hiệp định khung hợp tác giữa Việt Nam - EU cũng đã được hoàn thành trong tháng 7/1995 là thời điểm Việt Nam gia nhập ASEAN. Như vậy, khó có thể là ngẫu nhiên khi có sự liên hệ chặt chẽ giữa việc Việt Nam cải thiện quan hệ và gia nhập ASEAN với bình thường hoá quan hệ của ta với các nước lớn.

Rõ ràng, gia nhập ASEAN là một “đột phá khẩu”, là một mũi nhọn và là giải pháp chiến lược để Việt Nam phá thế bao vây, cô lập trong giai đoạn trước 1995 và tăng cường vị thế của mình trong quan hệ với các nước lớn từ đó trở đi. Nói một cách khác, nếu không là thành viên ASEAN, quan hệ của Việt Nam với các nước lớn khó có thể phát triển như thực tế đã diễn ra./.

CHÚ THÍCH

* Ý kiến của tác giả là ý kiến cá nhân, không nhất thiết phản ánh quan điểm của các cơ quan mà tác giả công tác.

1. Nguyễn Mạnh Cẩm, “Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới,” *Tạp chí Cộng sản*, 8/1992, trang 12.
2. Hồng Hà, Tình hình thế giới và chính sách đối ngoại của nước ta, *Tạp chí Cộng sản* số 12 (1992), trang 15.
3. Báo *Quân đội Nhân dân*, số 17/10/1993; Vụ ASEAN, đề tài 5 năm, Việt Nam tham gia ASEAN: Những thành tựu, thách thức, và triển vọng, (10/2001), trang 41.
4. Báo *Nhân dân*, 25/6/1996.
5. Xem Vũ Dương Ninh, “Quan hệ Việt Nam - ASEAN trong thế kỷ 20,” *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số tháng 7/2000, trang 42.
6. Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cẩm trích diễn văn khai mạc Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Ba (khóa VII, tháng 6/1992) trong bài “Trên đường triển khai chính sách đối ngoại mới,” in trong Bộ Ngoại giao, *Hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc*, (Hà Nội: Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 1995), trang 160.
7. Về nội dung chính của Nghị quyết 13 Bộ Chính trị, xem “Trả lời phỏng vấn của Bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch,” *Tuần báo Quốc tế*.
8. “Phỏng vấn của Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch,” *Tuần báo Quốc tế*, trang 11.
9. Nguyễn Mạnh Cẩm, “Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới” trang 160.
10. Bộ Ngoại giao, *Ngoại giao Việt Nam 1945 - 2000* (Hà Nội: Nhà xuất bản chính trị quốc gia, 2002), trang 326-327.
11. Trần Quang Cơ, “Triển vọng hoà bình và phát triển ở Đông Nam Á,” (6/1989) trong *Hội nhập quốc tế và giữ gìn bản sắc*, trang 28.
12. Nguyễn Mạnh Cẩm, “Trên đường triển khai chính sách đối ngoại theo định hướng mới,” *tạp chí Quốc tế*, 4/1993, trang 3.
13. Nguyễn Mạnh Cẩm, tài liệu đã dẫn, trang 3
14. Báo cáo trình quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 5, trang 6.
15. Thông cáo chung Việt Nam - Trung Quốc.